

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HN

Số: 347/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v hoàn trả tiền BHYT cho các trường hợp
không gia hạn được BHYT năm 2026 (đợt 1- thẻ 12 tháng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) số 25/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13, các văn bản chỉ đạo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc thực hiện BHYT học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kiến trúc HN; Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 09/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc bổ sung khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kiến trúc HN;

Căn cứ danh sách sinh viên đã có thẻ khác và các trường hợp khác;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Chính trị - Công tác sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả tiền bảo hiểm y tế đã thu năm 2026 đối với 105 sinh viên (thẻ 12 tháng) vì không thể thực hiện gia hạn thẻ BHYT năm 2026 theo đối tượng sinh viên. Do sinh viên trong diện được cấp BHYT hoặc thiếu thông tin, không đủ điều kiện theo quy định trong dữ liệu BHXH (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Số tiền phải trả cho 105 sinh viên là: 66,339,000đ

(Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng./.)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Chính trị - Công tác sinh viên, Tài chính - Kế toán và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*TS*

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng CTSV (đưa lên Cổng tin chi);
- Lưu VT, CT-CTSV



TS.KTS: Lê Quân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG GIA HẠN ĐƯỢC THẺ BHYT 12 THÁNG NĂM 2026 (Đợt 1)

(Các trường hợp đã có thẻ khác - 12 tháng)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐ/ĐHKT-CTSV ngày 02 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
1	2552020017	Lê Huy Thông	11/09/2003	08DEEA	631,800		GD
2	2452020002	Nguyễn Tuấn Anh	22/02/2005	08DEEA	631,800		K tìm dc mã
3	1951080147	Hoàng Đức Việt	01/04/2001	2019QL3	631,800		Thiếu SĐT
4	2155020098	Lê Thị Quỳnh Trang	28/08/2002	2022CDP	631,800		BT
5	2255010087	Dương Huy Hoàng	29/01/2004	2022CN2	631,800		HN
6	2255010158	Trần Thị Ánh Nguyệt	07/10/2004	2022CN3	631,800		GD
7	2251050071	Đỗ Linh Trang	24/07/2004	2022D1	631,800		SV yêu cầu hủy
8	2156020020	Phan Thị Bình An	30/06/2002	2022DA1	631,800		Thiếu SĐT
9	2253040058	Phạm Kim Thoa	10/03/2004	2022DE	631,800		GD
10	2253040051	Nguyễn Hồng Phúc	02/11/2004	2022DE	631,800		DT
11	2258010187	Lương Hoàng Yến	20/01/2004	2022DH3	631,800		DT
12	2258010132	Nguyễn Thị Thu Phương	13/06/2004	2022DH3	631,800		Không đủ TT
13	2258010076	Hồ Tuấn Huy	16/10/2004	2022DH3	631,800		DT
14	2253020004	Lữ Trọng Tuấn Anh	08/05/2004	2022IE	631,800		BT
15	2051010189	Nguyễn Minh Khánh	09/08/2002	2022K1	631,800		DT
16	2151010271	Đoàn Thị Kim Oanh	13/02/2003	2022K2	631,800		BT
17	2151010339	Trịnh Thị Mai Thư	19/07/2003	2022K2	631,800		DS
18	2051010289	Lại Minh Quân	30/12/2002	2022K2	631,800		Thiếu SĐT
19	2151015022	Phạm Duy Đan	06/10/2003	2022KTT	631,800		GB
20	2153010130	Nguyễn Hoàng Gia Linh	15/12/2003	2022KX1	631,800		TC
21	2151060013	Phạm Hà Chi	19/12/2003	2022M	631,800		DT
22	2256010009	Vũ Đình Hoàng	03/07/2004	2022ME	631,800		00102-TB4377B-ML
23	2258020382	Trần Văn Ngọc	20/11/2003	2022NT2	631,800		03000-BA0001Z-HS
24	2258020108	Nguyễn Thảo Hiền	25/09/2003	2022NT3	631,800		01903-WK0011C-HS
25	2258020097	Bùi Mai Hạnh	27/12/2004	2022NT6	631,800		DK
26	2258020139	Lương Khải Hưng	14/06/2004	2022NT6	631,800		D03 giảm 2024
27	2058020443	Đặng Thu Trang	12/08/2002	2022NT6	631,800		Thiếu SĐT
28	2251080103	Trần Thị Thu Thủy	06/04/2004	2022QL1	631,800		00115-TO0305O-ML
29	1951080048	Nguyễn Tuấn Hải	27/01/2001	2022QL2	631,800		DT
30	1951080047	Lê Xuân Hà	14/09/2001	2022QL2	631,800		Thiếu SĐT
31	1758040027	Nguyễn Lâm Anh	01/10/1999	2022TT1	631,800		K có tt BHYT
32	2258040087	Trần Thị Trang Khánh	30/09/2003	2022TT1	631,800		Thiếu SĐT
33	1851030207	Đỗ Thành Luân	10/05/2000	2022X1	631,800		Thiếu SĐT
34	1951030157	Bùi Duy Quang	25/10/2001	2022X1	631,800		Thiếu SĐT
35	2251070037	Nguyễn Thị Hoài Ninh	15/12/2004	2022XN	631,800		K tìm dc mã
36	2151070003	Nguyễn Đình Chiến	20/08/2003	2022XN	631,800		Thiếu SĐT
37	2355020031	Nguyễn Công Hào	23/10/2005	2023CDP1	631,800		02511-AO0011K-HS

anh

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
38	2355010013	Nguyễn Việt Anh	16/05/2005	2023CN1	631,800		GB
39	2351050050	Chu Thị Huyền My	04/01/2005	2023D2	631,800		DT
40	2358010049	Đào Hồng Hải	02/11/2005	2023DH1	631,800		AK
41	2358030008	Nguyễn Thu Hà	05/10/2005	2023DK	631,800		CN
42	2351010126	Hoàng Lê Ngọc Hiệp	15/04/2005	2023K+	631,800		00209-AO0018I-HS
43	2351010257	Ma Thị Ngọc Nga	16/11/2005	2023K2	631,800		AK
44	2351010140	Chu Anh Huy	06/09/2005	2023K2	631,800		DT
45	2351010150	Nguyễn Quang Huy	19/09/2005	2023K4	631,800		DT
46	1951010007	Đặng Vũ Minh Anh	26/11/2001	2023K4	631,800		Thiếu SĐT
47	1751010090	Phạm Quang Long	10/09/1999	2023K6	631,800		K tìm dc mã
48	1951015079	Cao Ngọc Tuyền	22/11/2001	2023KTT	631,800		DN
49	1851015022	Phạm Minh Hải	02/10/2000	2023KTT	631,800		Thiếu SĐT
50	2358020141	Hà Anh Nam	28/01/2005	2023NT1	631,800		DT
51	2358020290	Nguyễn Bảo Linh	09/12/2004	2023NT2	631,800		DT
52	2358020130	Dương Thị Mai	24/02/2005	2023NT2	631,800		BT
53	2158020465	Nguyễn Thị Thúy Kiều	04/08/2002	2023NT2	631,800		K tìm dc mã
54	2358020048	Phạm Thùy Dương	16/02/2005	2023NT3	631,800		K tìm dc mã
55	2058020143	Lê Ngọc Hà	18/02/2002	2023NT3	631,800		Thiếu SĐT
56	2251020081	Bùi Đặng Mai Phương	25/02/2004	2023Q1	631,800		K tìm dc mã
57	2351020120	Vũ Linh Ngọc	02/03/2004	2023Q1	631,800		K tìm dc mã
58	2151080214	Nguyễn Nhật Minh	26/06/2003	2023QL1	631,800		Thiếu SĐT
59	2356030059	Ngô Diệp Yên	11/06/2005	2023RM	631,800		00115-TO14070-M
60	2358040033	Nông Thu Huyền	22/12/2005	2023TT1	631,800		00806-WS0035F-HS
61	2351030002	Nguyễn Đình An	20/05/2005	2023X1	631,800		07901-TAH932A-M
62	2351030192	Phạm Văn Thế	11/10/2005	2023X3	631,800		01006-AP0003F-HS
63	1951030008	Mai Thế Anh	02/11/2001	2023X3	631,800		Thiếu SĐT
64	2455020021	Ngô Anh Đức	16/12/2006	2024CDP1	631,800		AK
65	2455020041	Trịnh Thị Ngọc Lan	06/08/2006	2024CDP1	631,800		DN
66	2455010029	Đào Ngọc Bách	07/08/2006	2024CN1	631,800		AK
67	2455010062	Phan Minh Đức	30/01/2006	2024CN2	631,800		HN
68	2455010079	Vũ Quý Hòa	31/07/2006	2024CN3	631,800		BT
69	2455010048	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/04/2006	2024CN4	631,800		GB
70	2451050036	Nguyễn Tuấn Lực	21/10/2006	2024D2	631,800		GD
71	2456020068	Nguyễn Tuấn Hợp	21/10/2006	2024DA4	631,800		GD
72	2458010023	Vừ Thị Ngọc Anh	24/03/2006	2024DH3	631,800		DS
73	2458010024	Ma Thị Ngọc Ánh	04/02/2006	2024DH4	631,800		AK
74	2451010300	Nguyễn Thiện Dung Nhi	13/09/2006	2024K+	631,800		TA
75	2451010292	Lã Thị Minh Nguyệt	11/11/2006	2024K+	631,800		DS
76	2351010055	Nguyễn Công Cẩn	27/07/2005	2024K1	631,800		GD
77	2451010265	Nguyễn Nhật Minh	28/04/2006	2024K6	631,800		DT
78	1952010049	Nguyễn Duy Tuấn	02/09/2001	2024KTCQ	631,800		Thiếu SĐT

Anh

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
79	2452030012	Trần Thành Đạt	24/11/2006	2024KTNT	631,800		K tìm dc mã
80	2452030017	Đổng Thị Kim Yến	21/05/2005	2024KTNT	631,800		K tìm dc mã
81	2451015106	Đoàn Tất Thắng	09/10/2006	2024KTT2	631,800		K tìm dc mã
82	2453010079	Lê Thùy Linh	18/03/2006	2024KX1	631,800		AK
83	2451040021	Nguyễn Hoàng Minh	16/11/2006	2024N	631,800		TA
84	2458020069	Nguyễn Thị Hằng	25/02/2006	2024NT1	631,800		DS
85	1958020053	Tạ Linh Chi	10/12/2000	2024NT4	631,800		Thiếu SĐT
86	2451020095	Nguyễn Anh Tú	07/09/2006	2024Q1	631,800		AK
87	2451020107	Nguyễn Thùy Trang	09/12/2006	2024Q1	631,800		AK
88	2051080080	Nông Việt Hoàng	22/02/2002	2024QL1	631,800		Thiếu SĐT
89	2458040083	Lê Thị Huyền Trang	08/05/2006	2024TT1	631,800		AK
90	2158040191	Quản Huyền Trang	18/12/2002	2024TT1	631,800		Thiếu SĐT
91	2451090011	Vũ Ngọc Ánh	30/04/2006	2024VL	631,800		GD
92	2451030034	Nguyễn Bá Đạt	03/11/2006	2024X+	631,800		DN
93	2251030017	Nguyễn Hoàng Anh	06/11/2004	2024X1	631,800		GD
94	2151030203	Vũ Trường Thịnh	20/01/2003	2024X1	631,800		Thiếu SĐT
95	1951030192	Nguyễn Vũ Thành Tuyên	19/07/2001	2024X1	631,800		Thiếu SĐT
96	2051030021	Trần Mạnh Dũng	28/10/2002	2024X1	631,800		Thiếu SĐT
97	2051030080	Lê Ngọc Long	07/08/2002	2024X2	631,800		Thiếu SĐT
98	2051030092	Nguyễn Hoài Nam	10/06/2002	2024X2	631,800		Thiếu SĐT
99	2051030125	Vũ Đình Tuấn	19/02/2002	2024X2	631,800		Thiếu SĐT
100	2351070020	Nguyễn Vũ Hà	13/07/2005	2024XN	631,800		CN
101	2556020165	Nguyễn Thị Hồng Minh	22/07/2007	2025DA5	631,800		K tìm dc mã
102	2551010045	Nguyễn Ngọc Ánh	04/09/2007	2025K4	631,800		K tìm dc mã
103	2558060002	Nguyễn Phan Thế Anh	31/07/2007	2025MDT	631,800		DT
104	2558060027	Nguyễn Huyền My	16/08/2004	2025MDT	631,800		GD
105	2551070040	Triệu Thành Ngân	12/03/2007	2025XN	631,800		DT
		Cộng			66,339,000		
Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng./.							

Phòng CT-CTSV

Người lập

Ngk
Nguyễn Hải Nguyễn

Anh
Đỗ Thị Hải Anh